

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **95/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/8/2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quang

Ông Doãn Đức Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* ông Sùng A Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phan Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 664/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Võ Thị Kim T** – sinh năm 1999

Trú tại: Ấp Nguyễn Thái H, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh **Thòng Quốc M** – sinh năm 1996

Trú tại: Đường 19/5 ấp C, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(*chị T, anh M cùng có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn chị Võ Thị Kim T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2018 tại UBND xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau. Tại tòa, chị T xác định khả năng vợ chồng về đoàn tụ gia đình là không có. Do vậy chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Thòng Quốc M.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là Thòng Gia B, sinh ngày 11/10/2019. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng

con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại, chị T đang làm công nhân tại khu công nghiệp Bàu Xéo thu nhập trung bình khoảng 8.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Thông Quốc M trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị T tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2018 tại UBND xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Theo anh M thì cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm dẫn đến xung đột làm mất tình cảm. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng không cải thiện được. Hiện nay vợ chồng không sống chung với nhau. Nay anh M xác định tình cảm của anh M đối với chị T không còn, khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Do vậy, chị T yêu cầu ly hôn thì anh M đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Thông Gia B, sinh ngày 11/10/2019. Khi ly hôn anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh M đang phụ giúp việc cho gia đình, thu nhập không ổn định, đến vụ, mùa thì mới có thu nhập.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về nội dung: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị T được ly hôn với anh Minh. Về con chung: Giao cháu Thông Gia B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu B chưa đủ 36 tháng tuổi, tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Võ Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Thông Quốc M sinh năm: 1996, có nơi cư trú tại: Đường 19/5 ấp C, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi*

con chung”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về Thủ tục tố tụng: Vụ án được giải quyết theo thủ tục thông thường.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1/ Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01 tháng 11 năm 2018, hôn nhân của chị T và anh M phù hợp với các Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu ly hôn với anh M, anh M đồng ý ly hôn với chị T.

Xét, yêu cầu xin được ly hôn của chị T thì thấy: Chị T và anh M đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không có sự tin tưởng nhau, hơn nữa chị T và anh M đã không chung sống với nhau. Vợ chồng không thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Từ những nhận định, phân tích trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Kim T.

3.2/ Về con chung: Chị T, anh M có 01 con chung là Thông Gia B, sinh ngày 11/10/2019.

Xét, yêu cầu của chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B thì thấy: Hiện tại cháu B mới được 34 tháng 06 ngày (sinh ngày 11/10/2019). Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng...*”. Do vậy, cần thiết giao cháu B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng theo quy định của pháp luật.

Xét, yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh M không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do hiện tại chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh M trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; 35; 39; 147; 220; 264; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim T đối với anh Thông Quốc M về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim T được ly hôn với anh Thông Quốc M .

2. Về con chung: Giao cháu Thông Gia B , sinh ngày 11/10/2019 cho chị Võ Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Thông Quốc M được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Thủy phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số **0001259 ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại** Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Chị T , anh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã B ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Và Kíu